

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18/6/2024

V/v “Ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Sỹ Danh Huệ**; Ông **Dương Như Suất**.
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội;
- *Đại diện Viện KSND huyện Q, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Tiêu Thị Kim O**, sinh năm 1971;
HKTT: TDP D, thị trấn Q, huyện Q, TP Hà Nội.
Hiện ở: Khu đô thị CEO, xã S, huyện Q, TP Hà Nội.
- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn T**, sinh năm 1970;
HKTT và nơi ở: Thôn C, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội.
- *Người giám hộ cho bị đơn:*
 1. Bà **Tô Thị P**, sinh năm 1939; HKTT và nơi ở: TDP D, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội, mẹ kế anh T.
 2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1959; Chị dâu anh T.
- *Người giám hộ đồng thời đại diện theo pháp luật của anh T:* Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1961;

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn C, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội, anh trai anh T.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Vũ**, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước thành phố Hà Nội, Chi nhánh số 9.

Chị O, ông Vũ có mặt tại phiên tòa; Bà P, ông H, bà T vắng mặt tại phiên tòa và đã có yêu cầu/có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2022, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Tiêu Thị Kim O trình bày:*

Tôi và anh T kết hôn vào ngày 07/12/1998. Trước khi cưới chúng tôi có tìm hiểu khoảng 01 tháng và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q. Cưới xong, vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn C, xã C được 02 ngày thì vợ chồng tôi chuyển về nhà của bố mẹ chồng là ông Hảo (bố anh T), bà P (vợ hai ông Hảo, còn mẹ anh T mất khi anh T 04 tuổi) ở TDP D, thị trấn Q sống. Vợ chồng tôi chung sống với nhau được 20 ngày thì anh T vào Lâm Đồng làm việc. Tôi sống cùng bố mẹ chồng được khoảng 10 tháng thì bố mẹ chồng cho tôi ra ở riêng nên tôi đã thuê nhà ngay bên cạnh để ở được khoảng 06 tháng thì mẹ con tôi chuyển về nhà mẹ đẻ cũng ở TDP D sống. Đến năm 2021, các con tôi kiếm được tiền nên đã mua nhà chung cư ở CEO, xã S thì mẹ con tôi mới chuyển đến chung cư đó sống cho đến nay.

Thực tế vợ chồng tôi tìm hiểu nhau ngắn, hầu như không có thời gian chung sống với nhau nhiều. Sau khi cưới được 20 ngày thì anh T làm ở Lâm Đồng luôn, mỗi năm về được có lần, có năm không về nên càng ngày tình cảm vợ chồng càng không còn. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là xuất phát từ mâu thuẫn giữa tôi và gia đình chồng. Từ khi sinh con vào năm 2001, tôi cũng không biết nguyên nhân do đâu mà gia đình chồng không thích tôi, không ai đến thăm nom hay quan tâm tôi kể từ khi tôi sinh con cho đến nay. Khi tôi sinh con, anh T có về thăm nhưng lại bị gia đình ngăn cấm không cho đến gặp mẹ con tôi. Đến năm 2014 bố tôi mất, gia đình chồng cũng không ai đến viếng. Khi bố chồng tôi mất, gia đình chồng không ai báo tin cho tôi biết. Có lần nhân dịp Tết, tôi mang đồ vào nhà chồng thắp hương thì chị dâu anh T là bà Nguyễn Thị T không nhận còn ném đồ tôi mang đến và đuổi tôi đi. Vì vậy tôi thấy gia đình chồng giống như muốn cắt đứt quan hệ với tôi. Còn anh T thì tôi không biết có phải do gia đình chồng tác động gì hay không mà từ khi tôi sinh con xong đến nay đã hơn 20 năm, anh T không hỏi han, quan tâm gì đến tôi

nữ và cũng không chu cấp tiền cho tôi nuôi con. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng xa cách đã lâu nên tôi làm đơn xin ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

Đến khoảng năm 2004, tôi có nghe thông tin về việc anh T có biểu hiện không bình thường sau khi đi tù Lâm Đồng về còn nguyên nhân là do đâu anh T như vậy thì tôi cũng không rõ vì vợ chồng tôi khi đó đang sống ly thân, không ai hỏi han, quan tâm gì đến ai. Đến nay anh T có biểu hiện không được bình thường, thường xuyên đi lang thang, nói năng mơ hồ, anh T hiện đang bị khuyết tật dạng thần kinh - tâm thần mức độ đặc biệt nặng nên anh T không còn đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nữa. Gia đình anh T có cho anh đi khám chữa bệnh hay không, tôi cũng không rõ.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung sinh đôi là Đỗ Thùy L, sinh năm 2001 và Đỗ Mai L2, sinh năm 2001. Hiện nay, các cháu đều đã trưởng thành và đang sống cùng tôi.

Về tài sản chung, công sức chung: Do thời gian chung sống với nhau quá ngắn nên vợ chồng tôi không có tài sản chung gì.

Về nợ chung: Không.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2024, bà Tô Thị P là mẹ kế của anh Đỗ Văn T trình bày:*

Tôi là mẹ kế của anh T. Gia đình tôi tổ chức cưới cho anh T và chị O vào năm 2000. Cưới xong anh T chị O sống chung với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn C, xã C được một thời gian ngắn thì chuyển đến thị trấn Q sống. Sau khi cưới được vài tháng thì anh T vào Nam làm việc, vợ chồng anh T sống xa nhau. Mỗi năm anh T về thăm vợ con, gia đình được 01 lần rồi lại đi. Chính vì thế tôi không thấy vợ chồng anh T phát sinh mâu thuẫn gì. Khoảng từ năm 2002, tôi thấy anh T chị O không chung sống với nhau nữa và ly thân từ đó cho đến nay, còn nguyên nhân do đâu thì tôi cũng không biết. Quá trình ly thân, anh T chị O có liên lạc, hỏi han, quan tâm nhau hay có chu cấp nuôi con chung không thì tôi cũng không rõ. Khoảng 03-04 năm sau khi ly thân, công ty cho anh T nghỉ do anh T bị suy nghĩ nhiều, không tập trung làm việc. Khi về nhà, anh T bộc lộ nhiều biểu hiện không được bình thường, tôi đã 03 lần gia đình đưa anh T đi khám bệnh tại Bệnh viện tâm thần Thường Tín. Đến nay anh T không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, cứ đi lang thang, vợ con thì bỏ mặc khoảng 20 năm nay, không hỏi han gì đến. Nay chị O làm đơn ly hôn anh T, tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh T và chị O sống với nhau một thời gian ngắn nên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do hiện nay tôi đã già yếu nên tôi đề nghị Tòa án không triệu tập tôi đến Tòa làm việc và tôi cũng không tham gia phiên tòa xét xử vụ án này, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 5 năm 2024, ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị T là anh trai, chị dâu của anh Đỗ Văn T trình bày:*

Tôi là anh trai, chị dâu của anh T. Anh T bị khuyết tật dạng thần kinh - tâm thần mức độ đặc biệt được UBND xã cấp giấy xác nhận khuyết tật từ năm 2008. Khoảng năm 2003, khi anh T đi làm từ trong Nam về bắt đầu có biểu hiện không được bình thường. Nguyên nhân anh T bị vậy thì chúng tôi cho rằng do anh T bị suy nghĩ nhiều, ảnh hưởng tâm lý vì chuyện gia đình và chuyện vợ chồng không được hòa hợp. Từ đó đến nay, gia đình tôi chăm sóc và chu cấp cho anh T. Hiện nay anh T không lao động được, ban ngày đi lang thang tối mới về, sống bằng tiền trợ cấp xã hội còn thiếu đâu vợ chồng tôi trợ cấp một phần. Chúng tôi thấy anh T hiện không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng gia đình tôi không yêu cầu Tòa án phải giám định tâm thần cho anh T và tuyên bố anh T bị mất năng lực hành vi dân sự, vì chúng tôi thấy không cần thiết.

Về hôn nhân: Anh T và chị O kết hôn khoảng năm 2000. Trước khi cưới chị O và anh T có quen biết nhau do hai gia đình giới thiệu, sau đó anh chị tự nguyện tìm hiểu và thấy hợp nhau nên đã tiến đến hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q. Cưới xong vợ chồng anh chị ở với nhau luôn tại thị trấn Q, sống trên đất của bố mẹ đẻ. Sau đó anh T chị O chuyển về thôn C, xã C sống một thời gian nhưng thấy không hợp nên vợ chồng anh T chị O chuyển đến thị trấn Q để sinh sống.

Quá trình chung sống, do anh T chị O không chung sống cùng nhau nhiều vì sau khi cưới anh T phải vào trong Nam làm việc luôn nên anh chị sống xa nhau. Đến năm 2001, sau khi chị O sinh con thì tôi thấy vợ chồng anh T chị O bắt đầu phát sinh mâu thuẫn còn nguyên nhân mâu thuẫn là do đâu thì chúng tôi không rõ. Chúng tôi chỉ biết từ đó đến nay anh T chị O sống ly thân, không ai còn liên lạc, hỏi han, quan tâm ai nữa. Chị O cùng 02 con sống cùng nhau ở thị trấn Q, còn anh T sống ở C. Nay chị O làm đơn ly hôn anh T, mong muốn của gia đình tôi là vợ chồng đoàn tụ. Nếu trường hợp anh chị không đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh T chị O có 02 con chung đều đã trưởng thành nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức chung: Vợ chồng không có tài sản chung vì thời gian chung sống với nhau của anh chị quá ngắn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Về nợ chung: Anh T và chị O không có nợ chung.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 5 năm 2024, ông Cán Văn Huân là Trưởng thôn C trình bày:*

Năm 2000 anh T và chị O kết hôn với nhau và đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Q. Cưới xong anh chị sống với nhau luôn ở thị trấn Q, sau đó anh chị có chuyển về xã C sống được một thời gian thì anh chị lại chuyển ra thị trấn Q sống. Đến năm 2001, anh T chị O không còn chung sống với nhau nữa, tôi thấy anh T chuyển về nhà sống ở thôn C, xã C. Từ đó đến nay, anh T và chị O không còn qua lại và sống cùng nhau nữa. Thời điểm đó anh T có biểu hiện không được bình thường, thường đi lang thang, nói năng lung tung, không còn khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Sau đó anh T có được trợ cấp xã hội nên dù không lao động được nhưng anh T vẫn tự chăm sóc được bản thân, nếu thiếu thốn đâu thì vợ chồng anh trai của anh T là ông H, bà T chu cấp thêm.

** Theo Biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 5 năm 2024, bà Phùng Thị M là mẹ đẻ của chị Tiêu Thị Kim O trình bày:*

Quá trình tìm hiểu, chung sống với nhau giữa anh T và chị O giống như chị O trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tìm hiểu ngắn, tính tình không hợp, sống xa nhau nên tình cảm ngày càng xa dần. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng là xuất phát từ mâu thuẫn giữa chị O và gia đình chồng không hòa hợp. Tôi chỉ biết gia đình chồng không ai thích chị O, khi chị O sinh con không ai hỏi han đến, chỉ có gia đình tôi chăm sóc cho mẹ con chị. Đến năm 2014 chồng tôi mất cũng không ai đến viếng. Gia đình chồng chị O giống như muốn cắt đứt mọi quan hệ với chị, từ bố mẹ chồng đến anh chị em của anh T đều không ai quan tâm đến chị O. Khi chị O sinh con, anh T có về thăm nhưng bị gia đình ngăn cấm không cho đến gặp chị O và con. Khi ông Hảo mất, chị O không được ai báo tin cho. Có Tết chị O mang đồ vào nhà chồng thắp hương thì chị dâu anh T không nhận còn ném đồ chị O mang đến và đuổi chị đi. Vì vậy chính xác là từ khi chị O sinh con xong, vợ chồng chị O anh T ly thân cho đến nay, không ai còn hỏi han, quan tâm ai nữa. Anh T không chu cấp tiền cho chị O để nuôi con lần nào, mọi chi tiêu sinh hoạt của mẹ con chị O đều do chị O và gia đình tôi chăm lo, đỡ đần cùng. Đến năm 2004, tôi có nghe thông tin về việc anh T có biểu hiện không bình thường sau khi đi từ Lâm Đồng về còn nguyên nhân là do đâu anh T như vậy thì tôi không biết. Do chị O, anh T không còn qua lại với nhau nữa nên cuộc sống anh T sau đó như thế nào, tôi

cũng không rõ.

Nay chị O làm đơn xin ly hôn anh T, tôi có ý kiến là: vợ chồng đã ly thân hơn 20 năm nay rồi nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O ly hôn anh T.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh T.

- Bị đơn bị khuyết tật dạng thần kinh - tâm thần nên không thể tham gia phiên tòa. Bà P, ông H, bà T là người giám hộ của anh T có yêu cầu/có đơn xin xử vắng mặt và đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị O ly hôn anh T.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 76 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bị khuyết tật thần kinh - tâm thần nên không thể tham gia phiên tòa, người giám hộ của bị đơn có đơn xin xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người giám hộ của bị đơn là đúng pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị O xin ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung đều đã trưởng thành nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức: Do hai bên đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Chị O chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Về thời hạn giải quyết, Tòa án còn để kéo dài vi phạm thời hạn giải quyết vụ án ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn T có HKTT và nơi ở tại thôn C, xã C, huyện Q, thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân huyện Q.

Do anh T bị khuyết tật tâm thần, thần kinh; Ông H và gia đình không yêu cầu giám định năng lực hành vi nên không có căn cứ để xem xét năng lực hành vi dân sự của anh T. Nhưng ông H cùng bà T là người giám hộ và đại diện cho anh T đồng thời có sự trợ giúp của trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước thành phố Hà Nội nên vẫn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T theo quy định tại điều 53 và 57 Bộ luật dân sự năm 2015..

[2] Về nội dung: Theo lời khai của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án, HĐXX có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T kết hôn trên tình thân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Q là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do thời gian tìm hiểu ngắn, cưới xong được khoảng 20 ngày thì anh T và chị O sống xa nhau luôn nên vợ chồng không có sự gắn kết. Sau khi chị O sinh con vào năm 2001, vợ chồng ly thân. Đến khoảng năm 2004, anh T có biểu hiện tâm lí không được bình thường. Năm 2008 anh T được UBND xã C cấp giấy xác nhận khuyết tật dạng thần kinh - tâm thần mức độ đặc biệt nặng. Từ đó đến nay, vợ chồng không ai còn liên lạc, hỏi han, quan tâm ai nữa. Nay chị O thấy tình cảm vợ chồng không còn; mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đã làm đơn xin ly hôn anh T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn anh T của chị O là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị O có 02 con chung sinh đôi là Đỗ Thùy L và Đỗ Mai L2, đều sinh năm 2001. Hiện nay các cháu đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công sức: Chị O và người giám hộ của anh T đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không.

[3] Về án phí: Chị O chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 53, Điều 57 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Tiêu Thị Kim O đối với anh Đỗ Văn T.

1. Về hôn nhân: Xử: Chị Tiêu Thị Kim O ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Chị O và anh T 02 con chung sinh đôi là Đỗ Thùy L và Đỗ Mai L2, sinh năm 2001, đều đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công sức chung: Do chị O và người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của anh T đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Tiêu Thị Kim O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000776 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Chị O có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND thị trấn Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh